

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Thương mại điện tử) về:

- Khoản 8 Điều 9 về Ngày Thương mại điện tử quốc gia, việc tổ chức thực hiện các hoạt động hưởng ứng Ngày Thương mại điện tử quốc gia;
- Khoản 5 Điều 11 về các nội dung công khai về điều kiện hoạt động, điều kiện giao dịch trên nền tảng thương mại điện tử;
- Khoản 4 Điều 14 về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử; thẩm quyền, trình tự, thủ tục thông báo, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt thông báo; thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử;
- Khoản 4 Điều 15 về trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử;
- Khoản 5 Điều 17 về trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian;
- Khoản 5 Điều 18 về trách nhiệm của chủ quản mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử;
- Khoản 3 Điều 19 về trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử tích hợp;

8. Khoản 2 Điều 20 về trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử được tích hợp trên nền tảng thương mại điện tử tích hợp trong trường hợp phát hiện lỗi kỹ thuật liên quan đến việc phân quyền, truy cập, kiểm soát, sử dụng dữ liệu giữa các bên;

9. Khoản 7 Điều 27 về ngưỡng giao dịch với người mua tại Việt Nam; điều kiện quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử; việc ký quỹ; thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam;

10. Điểm b khoản 1 Điều 30 về trách nhiệm của pháp nhân theo ủy quyền tại Việt Nam đối với nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến, nền tảng thương mại điện tử trung gian có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến trong việc thực hiện gỡ bỏ thông tin về hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

11. Khoản 2 Điều 32 về điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực thương mại điện tử;

12. Khoản 1 Điều 33 về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ thương mại điện tử trong việc ngăn chặn hành vi vi phạm kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

13. Khoản 2 Điều 34 về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ logistics hỗ trợ thương mại điện tử trong việc tạm dừng cung cấp dịch vụ logistics kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

14. Điểm d khoản 3 Điều 35 về trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán hỗ trợ thương mại điện tử trong việc gỡ bỏ nền tảng thương mại điện tử được tích hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc vi phạm pháp luật kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

15. Khoản 3 Điều 36 về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại;

16. Khoản 3 Điều 37 về Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử;

17. Khoản 4 Điều 38 về cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với chủ quản nền tảng thương mại điện tử; tổ

chức cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ thương mại điện tử; tổ chức cung cấp dịch vụ logistics hỗ trợ thương mại điện tử; tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán hỗ trợ thương mại điện tử; nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực thương mại điện tử; pháp nhân theo ủy quyền tại Việt Nam đối với nền tảng thương mại điện tử nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Ngày Thương mại điện tử quốc gia

1. Ngày 12 tháng 12 hằng năm là Ngày Thương mại điện tử quốc gia.
2. Điều kiện, yêu cầu tổ chức Ngày Thương mại điện tử quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về ngày hưởng ứng.
3. Các hoạt động hưởng ứng Ngày Thương mại điện tử quốc gia bao gồm:
 - a) Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, tập huấn về pháp luật thương mại điện tử và kỹ năng mua sắm trực tuyến để huy động, tập trung sự quan tâm, hưởng ứng, tham gia của toàn xã hội đối với Ngày Thương mại điện tử quốc gia;
 - b) Các hoạt động công cộng thu hút sự tham gia của số lượng lớn chủ quản nền tảng thương mại điện tử, người bán, người mua và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
 - c) Các hoạt động nằm trong khuôn khổ kế hoạch, dự án, đề án, chương trình, hoạt động cấp quốc gia về thương mại điện tử do cấp có thẩm quyền ban hành;
 - d) Các hoạt động khác phù hợp với chủ đề và kế hoạch hưởng ứng Ngày Thương mại điện tử quốc gia.
4. Kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Thương mại điện tử quốc gia được thực hiện thường xuyên, liên tục trong cả năm, đặc biệt tập trung vào tháng cuối năm và 3 tháng đầu năm.

Chương II

NỘI DUNG CÔNG KHAI TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 4. Thông tin về chủ quản nền tảng thương mại điện tử

Thông tin về chủ quản nền tảng thương mại điện tử bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, tên người đại diện theo pháp luật

hoặc tên, địa chỉ cư trú của cá nhân;

2. Số, ngày cấp và nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số, ngày cấp, nơi cấp và đơn vị cấp Quyết định thành lập đối với tổ chức, mã số thuế của cá nhân hoặc mã số thuế của hộ kinh doanh.

Điều 5. Chính sách bảo mật

1. Chính sách bảo mật bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

- a) Mục đích, phạm vi thu thập thông tin của người sử dụng;
- b) Phạm vi sử dụng thông tin;
- c) Thời gian lưu trữ thông tin hoặc phương pháp xác định thời gian lưu trữ thông tin;
- d) Tổ chức, cá nhân có thể được tiếp cận thông tin cá nhân;
- d) Biện pháp bảo mật thông tin, dữ liệu của người sử dụng;
- e) Phương thức, quy trình để chủ thể dữ liệu xem, chỉnh sửa hoặc yêu cầu chỉnh sửa dữ liệu của mình trên nền tảng;
- g) Phương thức, quy trình tiếp nhận yêu cầu của chủ thể dữ liệu trong việc xóa, hủy hoặc hạn chế xử lý dữ liệu của mình đã cung cấp;
- h) Phương thức, quy trình tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, yêu cầu, phản ánh của chủ thể dữ liệu liên quan đến việc bảo mật thông tin.

2. Nội dung quy định tại khoản 1 Điều này phải tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các bên

Chủ quản nền tảng thương mại điện tử công khai quyền và nghĩa vụ của các bên, bảo đảm tuân thủ Luật Thương mại điện tử, Nghị định này và pháp luật có liên quan, bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

- 1. Quyền và nghĩa vụ của chủ quản nền tảng thương mại điện tử
 - a) Ban hành, công khai và tổ chức thực hiện điều kiện hoạt động, điều kiện giao dịch;
 - b) Xây dựng, công khai tiêu chuẩn dịch vụ, quy trình tham gia hoạt động trên nền tảng;
 - c) Thu phí dịch vụ theo chính sách về giá đã công khai;
 - d) Thông tin đầy đủ hoặc tóm tắt về hình thức khuyến mại được áp dụng

cung cấp cho người mua trước khi đặt hàng;

d) Bảo đảm vận hành an toàn, ổn định nền tảng;

e) Quy định các trường hợp tạm ngừng, chấm dứt, hạn chế tài khoản người bán, người mua;

g) Áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh của người sử dụng và thông tin cá nhân của người tiêu dùng;

h) Tiếp nhận, giải quyết yêu cầu, phản ánh, khiếu nại từ người sử dụng;

i) Giám sát, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật; phối hợp và cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Quyền và nghĩa vụ của người bán

a) Được đăng ký, duy trì, tạm ngừng, chấm dứt hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; quyết định hàng hóa, dịch vụ, giá bán và chính sách khuyến mại theo quy định của pháp luật và thỏa thuận với chủ quản nền tảng;

b) Được sử dụng hạ tầng kỹ thuật, công cụ hỗ trợ của nền tảng; được tiếp cận dữ liệu liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh; được bảo đảm thanh toán đầy đủ, đúng hạn và được giải quyết yêu cầu, phản ánh, khiếu nại theo nguyên tắc công khai, minh bạch;

c) Cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ; bảo đảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng, bảo hành, đổi trả, hoàn tiền; không lợi dụng nền tảng để kinh doanh ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

d) Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước; bảo vệ dữ liệu của người mua; bảo vệ thông tin của người tiêu dùng; phối hợp với chủ quản nền tảng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc xử lý vi phạm pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của người mua

a) Được bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng; được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về hàng hóa, dịch vụ và người bán;

b) Được lựa chọn hàng hóa, dịch vụ, phương thức thanh toán và giao hàng; được bảo vệ dữ liệu cá nhân; được giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại theo quy định;

c) Cung cấp thông tin cần thiết, chính xác; thanh toán đầy đủ, đúng hạn;

d) Tuân thủ quy định pháp luật, điều kiện hoạt động và điều kiện giao dịch của nền tảng; không lợi dụng nền tảng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 7. Phương thức tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại

Phương thức tiếp nhận và xử lý phản ánh, yêu cầu, khiếu nại bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

1. Các phương thức tiếp nhận phản ánh, yêu cầu, khiếu nại, bao gồm ít nhất một phương thức liên hệ trực tuyến;
2. Trình tự, thủ tục tiếp nhận và xử lý phản ánh, yêu cầu, khiếu nại, bao gồm các bước cụ thể mà các bên cần thực hiện;
3. Thời hạn cụ thể phản hồi ban đầu và thời hạn dự kiến giải quyết cho từng loại vấn đề phổ biến;
4. Các biện pháp, công cụ mà nền tảng áp dụng để hỗ trợ giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại.

Điều 8. Chính sách về giá

Chính sách về giá trên nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

1. Đối với giá của hàng hóa, dịch vụ được cung cấp trên nền tảng: phải thể hiện rõ giá đó đã bao gồm hay chưa bao gồm những chi phí liên quan đến việc mua hàng hóa hoặc dịch vụ như thuế, giá vận chuyển và các chi phí phát sinh khác;
2. Đối với chi phí sử dụng dịch vụ dành cho người bán: trường hợp nền tảng thương mại điện tử có tính giá dịch vụ mở, duy trì tài khoản, xử lý đơn hàng và các loại dịch vụ khác, chính sách phải bao gồm thông tin chi tiết về biểu giá, cách thức tính từng loại giá dịch vụ và thời điểm áp dụng. Trường hợp có sự thay đổi thì công khai trên nền tảng ít nhất 20 ngày trước thời điểm áp dụng.

Điều 9. Các điều kiện hoặc hạn chế trong việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ

1. Trường hợp nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến có các điều kiện, giới hạn trong việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ áp dụng cho người bán, người mua trên nền tảng của mình, chủ quản nền tảng phải công khai tất cả điều kiện và hạn chế đó.

2. Các điều kiện và hạn chế (nếu có) phải bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

a) Giới hạn về thời gian cung cấp: các khung giờ, ngày trong tuần hoặc khoảng thời gian cụ thể trong năm mà hàng hóa, dịch vụ được cung cấp hoặc bị hạn chế;

b) Giới hạn về phạm vi địa lý: các khu vực, vùng lãnh thổ, địa phương cụ thể nơi hàng hóa, dịch vụ được giao nhận hoặc bị hạn chế cung cấp;

c) Các hạn chế về đối tượng khách hàng: các điều kiện về độ tuổi, khu vực sinh sống cụ thể để được tiếp cận hàng hóa, dịch vụ;

d) Các giới hạn về số lượng: số lượng hàng hóa tối đa, tối thiểu cho mỗi giao dịch hoặc cho mỗi khách hàng;

đ) Các điều kiện về tính khả dụng của dịch vụ: các trường hợp hàng hóa, dịch vụ có thể ngừng cung cấp hoặc bị gián đoạn vì lý do kỹ thuật, bảo trì hoặc các sự kiện bất khả kháng.

Điều 10. Chính sách về thanh toán

Chính sách về thanh toán trên nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

1. Phương thức thanh toán áp dụng cho hàng hóa hoặc dịch vụ giới thiệu trên nền tảng, kèm theo giải thích rõ ràng, chính xác để khách hàng có thể hiểu và lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp;

2. Phương thức hoàn tiền trong trường hợp đổi trả hàng hóa hoặc chấm dứt dịch vụ;

3. Trường hợp nền tảng thương mại điện tử thiết lập cơ chế tích điểm, hoàn điểm hoặc ưu đãi có giá trị quy đổi, nền tảng phải công khai trong chính sách thanh toán cách thức hình thành và sử dụng điểm, phạm vi áp dụng, điều kiện, tỷ lệ, giới hạn quy đổi và trách nhiệm của các bên; điểm không được quy đổi để rút tiền mặt.

Điều 11. Chính sách về ưu tiên hiển thị

1. Trường hợp nền tảng thương mại điện tử có sử dụng thuật toán hoặc biện pháp để hạn chế hoặc ưu tiên việc hiển thị hàng hóa, dịch vụ thì phải công khai toàn bộ các tiêu chí chính được sử dụng quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các tiêu chí chính được sử dụng có thể bao gồm:

a) Mức độ phù hợp với từ khóa tìm kiếm (bao gồm tên hàng hóa, dịch

vụ, mô tả hàng hóa, dịch vụ);

- b) Trả phí để hiển thị;
- c) Lịch sử tìm kiếm, giao dịch của người mua trên nền tảng;
- d) Đánh giá và phản hồi của người mua;
- đ) Số lượng đơn hàng thành công;
- e) Các yếu tố liên quan đến địa phương, quốc gia, vùng lãnh thổ của người sử dụng;
- g) Phương thức giao hàng, thanh toán;
- h) Các tiêu chí chính khác.

3. Trường hợp nền tảng thương mại điện tử cho phép người sử dụng lựa chọn hoặc chỉnh sửa các tiêu chí chính nêu tại khoản 2 của Điều này, chủ quản nền tảng công khai cách thức thực hiện việc lựa chọn hoặc chỉnh sửa này.

Điều 12. Quy chế hoạt động livestream bán hàng

Trường hợp nền tảng thương mại điện tử có cung cấp tính năng livestream bán hàng thì phải công khai quy chế hoạt động livestream bán hàng bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

1. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia livestream bán hàng;
2. Đối tượng, quy trình, hướng dẫn người livestream bán hàng thực hiện định danh xác thực điện tử;
3. Điều kiện, quy trình, thủ tục về đăng ký mở tài khoản người bán và người livestream bán hàng;
4. Quy định các trường hợp cụ thể bị dừng phát trực tuyến, gỡ bỏ thông tin hiển thị, đường dẫn liên kết;
5. Quy trình, hướng dẫn cụ thể về cách thức thực hiện công cụ cho phép người livestream bán hàng hiển thị nội dung cảnh báo khi livestream bán hàng đối với hàng hóa, dịch vụ có nguy cơ gây mất an toàn, ảnh hưởng xấu đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người mua theo quy định của pháp luật;
6. Quy trình, hướng dẫn cụ thể về cách thức thực hiện cơ chế tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người xem trong và sau quá trình livestream bán hàng.

Điều 13. Chính sách về giao hàng

Nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt

động mua bán hàng hóa phải công khai chính sách về giao hàng, bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

1. Các phương thức giao hàng, đơn vị vận chuyển, giao hàng;
2. Thời hạn ước tính cho việc giao hàng;
3. Các giới hạn về mặt địa lý cho việc giao hàng (nếu có);
4. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ logistics về cung cấp thông tin đơn hàng trong quá trình giao hàng;
5. Chính sách kiểm hàng (nếu có).

Điều 14. Chính sách về đổi trả hàng và hoàn tiền

Nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động mua bán hàng hóa phải công khai chính sách về đổi trả hàng và hoàn tiền, bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

1. Điều kiện về hàng hóa được đổi trả hàng và hoàn tiền;
2. Thời hạn yêu cầu đổi trả hàng và hoàn tiền;
3. Quy trình tiếp nhận, xử lý yêu cầu đổi trả hàng và hoàn tiền;
4. Phương thức đổi trả hàng và hoàn tiền;
5. Chi phí hoàn trả của các bên.

Điều 15. Chính sách về phương thức cung cấp dịch vụ

1. Trường hợp nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến cung cấp dịch vụ sử dụng trực tiếp trên nền tảng, nền tảng công khai chính sách về phương thức cung cấp dịch vụ, bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

- a) Thời hạn sử dụng dịch vụ, loại thiết bị điện tử phù hợp, số lượng thiết bị được phép sử dụng đồng thời;
- b) Mô tả cụ thể cách sử dụng dịch vụ và các tính năng chính của dịch vụ;
- c) Thông báo về các hạn chế trong quá trình sử dụng (nếu có).

2. Trường hợp nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến cung cấp dịch vụ đặt hàng trước, sử dụng sau, nền tảng công khai chính sách về phương thức cung cấp dịch vụ bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

- a) Công bố điều kiện, hình thức sử dụng dịch vụ tại địa điểm cung cấp;
- b) Thời hạn sử dụng dịch vụ; điều kiện đổi, hủy và các chi phí phát sinh (nếu có).

Điều 16. Chính sách chấm dứt dịch vụ và hoàn tiền

Nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến cung cấp dịch vụ trên nền tảng phải công khai chính sách chấm dứt dịch vụ cho người mua, bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

1. Các trường hợp chấm dứt dịch vụ và cách thức giải quyết hậu quả của việc chấm dứt dịch vụ;
2. Thời điểm hợp đồng chấm dứt hiệu lực và cách thức thanh toán phí dịch vụ trong trường hợp người mua là bên chấm dứt hợp đồng. Trường hợp không công bố rõ thời điểm hợp đồng chấm dứt hiệu lực trong trường hợp người mua là bên chấm dứt hợp đồng, thì thời điểm người mua gửi thông báo được coi là thời điểm hợp đồng chấm dứt;
3. Quy trình, thời hạn phản hồi cho người mua thực hiện gửi thông báo chấm dứt hợp đồng trên nền tảng thương mại điện tử khi hết nhu cầu sử dụng dịch vụ;
4. Cách thức hoàn tiền khi chấm dứt dịch vụ.

Chương III TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 17. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử

1. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 15 của Luật Thương mại điện tử, trong đó một số nội dung được thực hiện cụ thể như sau:

a) Công bố đầy đủ, chính xác, rõ ràng các nội dung hoặc có đường liên kết để xem chi tiết các nội dung quy định tại Chương II của Nghị định này tại vị trí trên màn hình chính của nền tảng thương mại điện tử và có dấu hiệu phân biệt rõ ràng;

b) Báo cáo trực tuyến định kỳ thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định này hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Có biện pháp kiểm tra, rà soát, gỡ bỏ và xử lý kịp thời đối với thông tin hàng hóa, dịch vụ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa, dịch vụ liên quan đến hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Cập nhật từ khóa theo khuyến cáo từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền và lọc thông tin theo từ khóa trước khi thông tin hàng hóa, dịch vụ hiển thị trên nền tảng thương mại điện tử;

đ) Duy trì, sử dụng tài khoản đã thực hiện thủ tục hành chính tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử để tiếp nhận và phản hồi thông tin nhằm giải quyết khiếu nại, phản ánh và tranh chấp liên quan đến nền tảng thương mại điện tử;

e) Phối hợp với chủ thể quyền sở hữu trí tuệ rà soát, tạm thời gỡ bỏ hoặc ngăn chặn truy cập đến thông tin hàng hóa, dịch vụ có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo phương thức tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại đã công khai trên nền tảng theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này và quy định tại Điều 12 của Luật Thương mại điện tử. Trường hợp nền tảng thương mại điện tử có tích hợp hệ thống thông tin tự động giao kết hợp đồng điện tử, chủ quản nền tảng thương mại điện tử thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này và quy định tại Điều 13 của Luật Thương mại điện tử.

3. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn và mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này và trách nhiệm báo cáo trực tuyến theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 22 của Nghị định này.

Điều 18. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian

1. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 17 của Luật Thương mại điện tử, trong đó một số nội dung được thực hiện cụ thể như sau:

a) Thực hiện việc xác thực điện tử danh tính người bán trong nước thông qua các thông tin sau đây:

Đối với cá nhân trong nước: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân;

Đối với tổ chức trong nước: tên tổ chức; địa chỉ trụ sở chính; số định danh của tổ chức; họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân của

người đại diện theo pháp luật;

b) Thực hiện việc xác thực người bán nước ngoài thông qua các giấy tờ hợp pháp sau đây:

Đối với cá nhân nước ngoài: tên, số hộ chiếu, tên quốc gia, vùng lãnh thổ của cá nhân tại hộ chiếu hoặc các giấy tờ tương đương khác còn hiệu lực ít nhất 06 tháng kể từ ngày xét duyệt do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp;

Đối với tổ chức nước ngoài: tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, tên quốc gia, vùng lãnh thổ của tổ chức tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ tương đương khác do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp; tên, số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật hoặc các giấy tờ tương đương khác còn hiệu lực ít nhất 06 tháng kể từ ngày xét duyệt do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp;

c) Công khai thông tin về tên, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo nội dung đăng ký đã thực hiện với cơ quan đăng ký kinh doanh; tên, địa chỉ nơi đặt trụ sở của tổ chức; tên, địa chỉ cư trú của cá nhân. Các thông tin phải được phiên âm sang tiếng Việt hoặc thể hiện bằng ký tự La-tinh;

d) Kiểm duyệt nội dung thông tin về hàng hóa, dịch vụ do người bán khởi tạo trước khi cho phép hiển thị trên nền tảng, bảo đảm thông tin không thuộc danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ đang bị tạm dừng lưu thông theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cập nhật từ khóa theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Bảo đảm khả năng truy cập thông tin và dữ liệu hàng hóa, dịch vụ đã đăng tải từ tài khoản người bán trong thời gian ít nhất 01 năm kể từ thời điểm đăng tải.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian có chức năng đặt hàng trực tuyến thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Thương mại điện tử, trong đó một số nội dung được thực hiện cụ thể như sau:

a) Trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tiếp nhận lại hàng hóa đối với trường hợp hàng hóa do người bán cung cấp không theo đúng nội dung đã thông báo, công bố, niêm yết, quảng cáo, giới thiệu, giao kết, cam kết trên nền tảng và thực hiện đổi trả hàng, hoàn tiền theo chính sách đã công bố trên nền tảng theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này;

c) Công khai đầy đủ thông tin về việc thu hồi hàng hóa có khuyết tật trên nền tảng ngay khi nhận được thông tin từ người bán hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong vòng 10 ngày liên tục tại một vị trí dễ thấy; công khai thông tin liên hệ của đầu mối tiếp nhận lại hàng hóa; thông tin trực tiếp đến người mua hàng hóa đó trên nền tảng thông qua tài khoản của người mua trên nền tảng hoặc kênh liên hệ khác phù hợp mà người mua đã đăng ký trên nền tảng;

d) Cung cấp các thông tin cần thiết hỗ trợ các bên có tham gia giao dịch trên nền tảng theo phương thức tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại đã công khai theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này; cung cấp các thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc hành vi vi phạm pháp luật thông qua đầu mối được chỉ định và thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận yêu cầu để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm;

đ) Cung cấp công cụ để người bán truy cập tài khoản để tải về dữ liệu về hàng hóa, dịch vụ đã đăng tải trong vòng 01 năm từ thời điểm đăng tải, dữ liệu về hợp đồng giao kết trong vòng 03 năm kể từ thời điểm giao kết hợp đồng, trừ trường hợp người bán chủ động xóa tài khoản. Trường hợp tài khoản người bán bị tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động, chủ quản nền tảng bảo đảm cho người bán có thể truy cập tài khoản hoặc phương thức khác để tải dữ liệu về hợp đồng giao kết đã thực hiện trước đó trong thời gian ít nhất 03 năm từ thời điểm tài khoản bị tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động;

e) Tạm ngừng, chấm dứt tài khoản người bán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều 17 của Luật Thương mại điện tử, trong đó một số nội dung được thực hiện cụ thể như sau:

a) Trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại trực tuyến trên nền tảng theo quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Có hệ thống rà soát, cảnh báo, gỡ bỏ tự động thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật; có biện pháp ngăn chặn các hành vi tái phạm, bao gồm các hành vi vi phạm điều kiện hoạt động và điều kiện giao dịch của nền tảng

thương mại điện tử đã bị nền tảng thương mại điện tử xử lý mà lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm đó;

d) Trường hợp nền tảng có hợp tác với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, cung cấp dịch vụ logistics, chủ quản nền tảng phải công khai trên nền tảng thông tin về tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, cung cấp dịch vụ logistics; hiển thị tên đầy đủ hoặc tên viết tắt theo đăng ký doanh nghiệp hoặc tên thương mại của tổ chức cung cấp dịch vụ đáp ứng tiêu chí cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, cung cấp dịch vụ logistics đối với hàng hóa, dịch vụ cụ thể, phù hợp với thỏa thuận hợp tác giữa các bên và cho phép người mua được lựa chọn tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, cung cấp dịch vụ logistics.

4. Hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại trực tuyến trên nền tảng phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật Thương mại điện tử, trong đó một số nội dung được thực hiện cụ thể như sau:

a) Có quy trình rõ ràng, công khai, giao diện dễ dàng truy cập, thân thiện với người sử dụng và cho phép người sử dụng gửi phản ánh, yêu cầu, khiếu nại, bằng chứng sơ bộ và theo dõi tiến trình giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại;

b) Sau khi nhận được phản ánh, yêu cầu, khiếu nại, hệ thống phải tiếp nhận và xử lý kịp thời theo phương thức tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại đã công khai trên nền tảng theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này;

c) Trường hợp người bán chứng minh được người bán không vi phạm thỏa thuận và quy định của pháp luật mà do lỗi của hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại trực tuyến trên nền tảng, chủ quản nền tảng phải thực hiện các biện pháp khắc phục cho người bán và điều chỉnh lại hệ thống cho phù hợp;

d) Trường hợp có sử dụng cơ chế tự động để vận hành hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại trực tuyến, quy trình vận hành của cơ chế tự động phải được rà soát bởi con người trước khi đưa vào áp dụng; trong quá trình vận hành, cơ chế tự động này phải được kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh khi cần thiết. Trường hợp người sử dụng không đồng ý với kết quả của cơ chế tự động, phản ánh, yêu cầu, khiếu nại phải được chuyển đến con người xem xét và quyết định cuối cùng.

Điều 19. Trách nhiệm của chủ quản mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử

1. Chủ quản mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật Thương mại điện tử, trong đó một số nội dung được thực hiện cụ thể như sau:

- a) Trách nhiệm quy định tại Điều 17 của Nghị định này;
- b) Công khai dấu hiệu nhận biết tài khoản người bán, dấu hiệu phải hiển thị rõ ràng, dễ nhận biết, không gây nhầm lẫn với tài khoản người sử dụng khác.

2. Chủ quản mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử có chức năng liên lạc trực tuyến có tích hợp công cụ thông báo xác nhận giao kết hợp đồng thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Thương mại điện tử, trong đó một số nội dung được thực hiện cụ thể như sau:

- a) Trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định này và khoản 1 Điều này;
- b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân lựa chọn, sử dụng thông tin tài khoản người bán khi sử dụng chức năng liên lạc trực tuyến có tích hợp công cụ thông báo xác nhận giao kết hợp đồng trên nền tảng.

3. Chủ quản mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử có chức năng livestream bán hàng, có chức năng đặt hàng trực tuyến thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật Thương mại điện tử, trong đó một số nội dung được thực hiện cụ thể như sau:

- a) Trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định này và khoản 1 Điều này;
- b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân lựa chọn, sử dụng thông tin tài khoản người bán khi sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến.

4. Chủ quản mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử có chức năng livestream bán hàng, có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này, khoản 3 Điều 18 của Nghị định này và khoản 4 Điều 18 của Luật Thương mại điện tử.

Điều 20. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử tích hợp

1. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử tích hợp thực hiện các trách nhiệm tại khoản 1 Điều 19 của Luật Thương mại điện tử, trong đó một số nội

dung được thực hiện cụ thể như sau:

- a) Trách nhiệm quy định tại Điều 17 của Nghị định này;
- b) Thông báo rõ ràng với người sử dụng về tên nền tảng được tích hợp; quyền và nghĩa vụ của các bên; phương thức tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại tại một vị trí dễ thấy hoặc có đường dẫn liên kết đến nội dung trên; có cơ chế cho phép người sử dụng thể hiện sự đồng ý trước mỗi lần truy cập nền tảng được tích hợp; cho phép nội dung trên có thể truy cập và xem lại từ tài khoản người sử dụng;
- c) Có công cụ cho phép nền tảng được tích hợp truy cập và sử dụng dữ liệu do nền tảng đó tạo ra trên nền tảng thương mại điện tử tích hợp theo hợp đồng điện tử giữa hai bên và phải được chứng thực bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử đã được cấp phép;
- d) Gỡ bỏ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với nền tảng được tích hợp có hành vi vi phạm pháp luật hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- đ) Cập nhật danh sách các nền tảng thương mại điện tử được tích hợp trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử ngay khi có sự thay đổi.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử tích hợp là nền tảng số lớn theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Thương mại điện tử và khoản 1 Điều này.

Điều 21. Trách nhiệm ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin, tạm dừng hoặc chấm dứt cung cấp dịch vụ liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của các chủ thể hoạt động thương mại điện tử

1. Trường hợp phát hiện lỗi kỹ thuật liên quan đến việc phân quyền, truy cập, kiểm soát, sử dụng dữ liệu giữa các bên, chủ quản nền tảng thương mại điện tử được tích hợp phải thông báo cho nền tảng thương mại điện tử tích hợp để khắc phục trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ thương mại điện tử quy định tại Điều 33 của Luật Thương mại điện tử có trách nhiệm thực hiện ngăn chặn hành vi vi phạm trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ logistics hỗ trợ thương mại điện tử quy định

tại Điều 34 của Luật Thương mại điện tử có trách nhiệm thực hiện tạm dừng cung cấp dịch vụ trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán quy định tại Điều 35 của Luật Thương mại điện tử có trách nhiệm thực hiện gỡ bỏ nền tảng có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc vi phạm pháp luật trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Pháp nhân theo ủy quyền tại Việt Nam quy định tại Điều 30 của Luật Thương mại điện tử thực hiện gỡ bỏ thông tin về hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 22. Báo cáo trực tuyến

1. Trước ngày 15 tháng 02 hằng năm, chủ quản nền tảng thương mại điện tử phải báo cáo trực tuyến kết quả hoạt động thương mại điện tử của năm trước đó thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo Mẫu số 08, 09, 10, 11 tại Phụ lục II của Nghị định này tùy theo mô hình hoạt động.

2. Trước ngày 15 hằng tháng, chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn và mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng báo cáo trực tuyến về hoạt động thương mại điện tử của tháng trước đó thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo Mẫu số 12 tại Phụ lục II của Nghị định này tùy theo mô hình hoạt động.

3. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn và mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực hiện trách nhiệm báo cáo trực tuyến về kết quả gỡ bỏ thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử trong thời hạn 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Mẫu số 13 tại Phụ lục II của Nghị định này.

4. Tổ chức quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 21 của Nghị định này thực hiện trách nhiệm báo cáo trực tuyến về kết quả ngăn chặn, tạm dừng, gỡ bỏ thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử trong thời hạn 48 giờ kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Trước ngày 15 hằng tháng, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại báo cáo trực tuyến về tình hình cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại của tháng trước đó thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo Mẫu số 14 tại Phụ lục II của Nghị định này.

6. Trước ngày 15 tháng đầu tiên của quý, tổ chức cung cấp dịch vụ logistics hỗ trợ thương mại điện tử báo cáo trực tuyến kết quả hoạt động vận chuyển, giao nhận trong thương mại điện tử tại Việt Nam của quý trước đó thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo Mẫu số 15 tại Phụ lục II của Nghị định này.

7. Khuyến khích các tổ chức quy định tại Điều này xây dựng, vận hành, duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về hoạt động của mình để kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua giao diện lập trình ứng dụng (API); việc kết nối, chia sẻ dữ liệu được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công Thương, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu.

Chương IV

QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Mục 1

QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KINH DOANH TRỰC TIẾP

Điều 23. Nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

1. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến phải được xác nhận thông báo trước khi vận hành nền tảng.

2. Hồ sơ thông báo, sửa đổi, bổ sung thông báo, chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến theo quy định tại Điều 24 của Nghị định này.

3. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung thông báo trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi một trong những thông tin sau đây:

- a) Thay đổi tên nền tảng (tên miền website, tên ứng dụng);
- b) Thay đổi người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng;

c) Thay đổi thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

d) Thay đổi nội dung công khai về điều kiện hoạt động, điều kiện giao dịch trên nền tảng.

4. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến thực hiện thủ tục chấm dứt thông báo trong các trường hợp sau đây:

a) Theo đề nghị của chủ quản nền tảng thương mại điện tử;

b) Nền tảng thương mại điện tử ngừng hoạt động hoặc chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác;

c) Thay đổi mã số thuế của chủ quản nền tảng thương mại điện tử.

5. Cơ quan quản lý nhà nước chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến trong các trường hợp sau đây:

a) Quá 30 ngày từ thời điểm cơ quan quản lý nhà nước gửi yêu cầu thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử để phục vụ công tác quản lý, giám sát hoạt động thương mại điện tử mà nền tảng thương mại điện tử không phản hồi thông tin;

b) Chủ quản nền tảng có thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà phải chấm dứt hoạt động nền tảng thương mại điện tử theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 24. Hồ sơ thông báo, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

1. Hồ sơ thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến bao gồm:

a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II của Nghị định này;

b) Bản chụp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc các văn bản tương tự khác khi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Trường hợp các giấy tờ, tài liệu nêu trên đã có dữ liệu điện tử bảo đảm

giá trị pháp lý và có thể khai thác thông qua kết nối, chia sẻ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin dùng chung, Cổng dịch vụ công quốc gia thì không phải cung cấp lại.

2. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến bao gồm:

- a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II của Nghị định này;
- b) Tài liệu, văn bản chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Hồ sơ chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến bao gồm:

- a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II của Nghị định này;
- b) Tài liệu, văn bản chứng minh lý do chấm dứt (nếu có).

4. Quy trình thực hiện thủ tục thông báo, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt thông báo đối với nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến thực hiện theo Mục I tại Phụ lục I của Nghị định này.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện xác nhận thông báo, xác nhận sửa đổi, bổ sung thông báo và chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến.

Mục 2

QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TRUNG GIAN, MẠNG XÃ HỘI HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ, NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TÍCH HỢP

Điều 25. Nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp

1. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp chỉ được vận hành nền tảng khi đáp ứng các điều kiện về quản lý, vận hành nền tảng thương mại điện tử và sau khi được Bộ Công Thương xác nhận đăng ký.

2. Hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký, sửa đổi, bổ sung đăng ký, chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp theo quy định tại Điều 27, 28 và 29 của Nghị định này.

3. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp phải thực hiện

thủ tục sửa đổi, bổ sung đăng ký trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi một trong những thông tin sau đây:

- a) Thay đổi tên nền tảng (tên miền website, tên ứng dụng);
- b) Thay đổi người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng;
- c) Thay đổi thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức);
- d) Thay đổi mô hình hoạt động của nền tảng thương mại điện tử;
- d) Thay đổi nội dung công khai về điều kiện hoạt động, điều kiện giao dịch trên nền tảng;
- e) Thay đổi các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ;
- g) Thay đổi hoặc bổ sung dịch vụ cung cấp trên nền tảng.

4. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp thực hiện thủ tục chấm dứt đăng ký trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo đề nghị của chủ quản nền tảng thương mại điện tử;
- b) Nền tảng thương mại điện tử ngừng hoạt động hoặc chuyển nhượng cho tổ chức khác;
- c) Thay đổi mã số thuế của chủ quản nền tảng thương mại điện tử.

5. Cơ quan quản lý nhà nước chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp trong các trường hợp sau đây:

- a) Quá 30 ngày từ thời điểm cơ quan quản lý nhà nước gửi yêu cầu thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử để phục vụ công tác quản lý, giám sát hoạt động thương mại điện tử mà nền tảng thương mại điện tử không phản hồi thông tin;
- b) Chủ quản nền tảng có thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà phải chấm dứt hoạt động nền tảng thương mại điện tử theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 26. Điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp

1. Điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian không có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương

mại điện tử không có chức năng đặt hàng trực tuyến, nền tảng thương mại điện tử tích hợp:

- a) Có nhân sự chuyên trách quản lý hoạt động thương mại điện tử;
- b) Có Đề án hoạt động thương mại điện tử theo quy định tại Điều 30 của Nghị định này.

2. Điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian có chức năng đặt hàng trực tuyến, livestream bán hàng, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến, livestream bán hàng:

- a) Đáp ứng các điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp chủ quản nền tảng thương mại điện tử thực hiện việc giữ tiền của người bán phát sinh từ giao dịch trên nền tảng thì nền tảng phải có cơ chế quản lý việc giữ tiền, đối soát, thanh toán và rút tiền của người bán. Các nội dung này phải được quy định trong hợp đồng điện tử giữa chủ quản nền tảng và người bán, bảo đảm hợp đồng điện tử có giá trị làm chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Hồ sơ đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp

1. Hồ sơ đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp bao gồm:

- a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II của Nghị định này;
- b) Bản chụp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc các văn bản tương tự khác khi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Trường hợp các giấy tờ, tài liệu nêu trên đã có dữ liệu điện tử bảo đảm giá trị pháp lý và có thể khai thác thông qua kết nối, chia sẻ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin dùng chung, Cổng dịch vụ công quốc gia thì không phải cung cấp lại;

- c) Đề án hoạt động thương mại điện tử theo nội dung quy định tại Điều

30 của Nghị định này. Mẫu Đề án theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II của Nghị định này;

d) Quy chế hoạt động livestream bán hàng trong trường hợp nền tảng có hoạt động livestream bán hàng;

d) Mẫu hợp đồng, thỏa thuận giữa người bán với chủ quản nền tảng.

2. Quy trình đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp thực hiện theo quy định tại Mục II của Phụ lục I của Nghị định này.

3. Bộ Công Thương thực hiện xác nhận đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp.

Điều 28. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp

1. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp, bao gồm:

a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II của Nghị định này;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Quy trình sửa đổi, bổ sung đăng ký của nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp theo quy định tại Mục II của Phụ lục I của Nghị định này.

3. Bộ Công Thương thực hiện xác nhận sửa đổi, bổ sung đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp.

Điều 29. Hồ sơ đề nghị chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp

1. Hồ sơ đề nghị chấm dứt đăng ký đối với nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp, bao gồm:

a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II của Nghị định này;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh lý do chấm dứt (nếu có).

2. Quy trình chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp theo quy định tại Mục II của Phụ lục I của Nghị định này.

3. Bộ Công Thương thực hiện xác nhận chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp.

Điều 30. Nội dung Đề án hoạt động thương mại điện tử của nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp

1. Đề án hoạt động thương mại điện tử của nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

a) Thông tin chung về đơn vị quản lý, vận hành nền tảng, bao gồm: tên, hình thức đầu tư, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, phương thức liên hệ, phạm vi hoạt động của nền tảng;

b) Mô tả mô hình hoạt động của nền tảng thương mại điện tử, bao gồm: các chức năng, tính năng chính và quy trình vận hành cơ bản của nền tảng; chức năng đặt hàng trực tuyến; chức năng livestream bán hàng (nếu có); hệ thống thông tin tự động giao kết hợp đồng điện tử; chức năng liên lạc trực tuyến có tích hợp công cụ thông báo xác nhận giao kết hợp đồng hoặc các công cụ hỗ trợ giao kết hợp đồng khác; quy trình tiếp nhận, xử lý phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của tổ chức, cá nhân; quy trình phát hiện, xử lý vi phạm trên nền tảng và cơ chế phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu;

c) Mô tả nội dung và phương án tổ chức thực hiện quy chế hoạt động của nền tảng thương mại điện tử, bao gồm: các điều kiện hoạt động áp dụng trên nền tảng, phân định quyền và trách nhiệm giữa chủ quản nền tảng với các bên sử dụng dịch vụ trên nền tảng; quy chế livestream bán hàng trong trường hợp nền tảng có hoạt động livestream bán hàng.

2. Trường hợp là nền tảng số lớn, đề án hoạt động thương mại điện tử phải bao gồm nội dung quy định tại khoản 1 Điều này; nội dung mô tả quy trình vận hành Hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại trực tuyến; biện pháp rà soát, cảnh báo, gỡ bỏ tự động thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật; có biện pháp ngăn chặn các hành vi tái phạm trên nền tảng.

Chương V THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

Mục 1 QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ NƯỚC NGOÀI

Điều 31. Nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam

1. Nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam phải đăng ký với Bộ Công Thương khi đáp ứng một trong các trường hợp sau đây:

a) Nền tảng có cơ chế cho phép lựa chọn ngôn ngữ tiếng Việt trên nền tảng hoặc nền tảng có sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”. Chủ quản nền tảng phải được xác nhận đăng ký trước khi vận hành nền tảng tại Việt Nam;

b) Nền tảng đạt từ 100.000 lượt giao dịch với người mua tại Việt Nam trở lên trong 01 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm dương lịch. Chủ quản nền tảng phải đăng ký trong vòng 60 ngày kể từ thời điểm đạt ngưỡng. Số lượt giao dịch với người mua tại Việt Nam trên nền tảng được xác định trên cơ sở dữ liệu do chủ quản nền tảng tự công bố hoặc dữ liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định.

2. Hồ sơ đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này.

3. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung hồ sơ đã được xác nhận đăng ký trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi một trong những thông tin sau đây:

- a) Thay đổi tên nền tảng (tên miền website, tên ứng dụng);
- b) Thay đổi người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng;
- c) Thay đổi pháp nhân được ủy quyền tại Việt Nam;
- d) Thay đổi thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ tương đương khác do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp;

đ) Thay đổi nội dung công khai về điều kiện hoạt động, điều kiện giao dịch trên nền tảng.

4. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam thực hiện thủ tục chấm dứt đăng ký trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo đề nghị của chủ quản nền tảng thương mại điện tử;
- b) Nền tảng thương mại điện tử ngừng hoạt động hoặc chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thay đổi mã số thuế của chủ quản nền tảng thương mại điện tử.

5. Cơ quan quản lý nhà nước chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam trong các trường hợp sau đây:

- a) Quá 30 ngày từ thời điểm cơ quan quản lý nhà nước gửi yêu cầu thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử để phục vụ công tác quản lý, giám sát hoạt động thương mại điện tử mà nền tảng thương mại điện tử không phản hồi thông tin;
- b) Chủ quản nền tảng có thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà phải chấm dứt hoạt động nền tảng thương mại điện tử theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 32. Nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam

1. Nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam phải đăng ký với Bộ Công Thương khi đáp ứng một trong các trường hợp sau đây:

a) Nền tảng có cơ chế cho phép lựa chọn ngôn ngữ tiếng Việt trên nền tảng hoặc nền tảng có sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”. Chủ quản nền tảng phải được xác nhận đăng ký trước khi vận hành nền tảng tại Việt Nam và phải đáp ứng các điều kiện về quản lý, vận hành nền tảng thương mại điện tử theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 34 của Nghị định này tương ứng mô hình hoạt động của nền tảng;

b) Nền tảng đạt từ 100.000 lượt giao dịch với người mua tại Việt Nam

trở lên trong 01 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm dương lịch. Chủ quản nền tảng phải đăng ký trong vòng 60 ngày kể từ thời điểm đạt ngưỡng và phải đáp ứng các điều kiện về quản lý, vận hành nền tảng thương mại điện tử theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 34 của Nghị định này tương ứng mô hình hoạt động của nền tảng. Số lượt giao dịch với người mua tại Việt Nam trên nền tảng được xác định trên cơ sở dữ liệu do chủ quản nền tảng tự công bố hoặc dữ liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung hồ sơ đã được xác nhận đăng ký trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi một trong những thông tin sau đây:

- a) Thay đổi tên nền tảng (tên miền website, tên ứng dụng);
- b) Thay đổi người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng;
- c) Thay đổi pháp nhân được chỉ định theo ủy quyền;
- d) Thay đổi thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ tương đương khác do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp;
- đ) Thay đổi mô hình hoạt động của nền tảng thương mại điện tử;
- e) Thay đổi nội dung công khai về điều kiện hoạt động, điều kiện giao dịch trên nền tảng;
- g) Thay đổi các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ;
- h) Thay đổi hoặc bổ sung dịch vụ cung cấp trên nền tảng.

3. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam thực hiện thủ tục chấm dứt đăng ký trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo đề nghị của chủ quản nền tảng thương mại điện tử;
- b) Nền tảng thương mại điện tử ngừng hoạt động hoặc chuyển nhượng cho tổ chức khác;
- c) Thay đổi mã số thuế của chủ quản nền tảng thương mại điện tử.

4. Cơ quan quản lý nhà nước chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước

ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam trong các trường hợp sau đây:

a) Quá 30 ngày từ thời điểm cơ quan quản lý nhà nước gửi yêu cầu thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử để phục vụ công tác quản lý, giám sát hoạt động thương mại điện tử mà nền tảng thương mại điện tử không phản hồi thông tin;

b) Chủ quản nền tảng có thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà phải chấm dứt hoạt động nền tảng thương mại điện tử theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 33. Hồ sơ đăng ký, sửa đổi, bổ sung đăng ký, chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam

1. Hồ sơ đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến:

a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II của Nghị định này;

b) Bản chụp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc các văn bản tương tự khác khi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Trường hợp các giấy tờ, tài liệu nêu trên đã có dữ liệu điện tử bảo đảm giá trị pháp lý và có thể khai thác thông qua kết nối, chia sẻ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin dùng chung, Cổng dịch vụ công quốc gia thì không phải cung cấp lại;

c) Tài liệu chỉ định pháp nhân tại Việt Nam theo ủy quyền của chủ quản nền tảng thương mại điện tử nước ngoài.

2. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến:

a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II của Nghị định này;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Hồ sơ chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến:

a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II của Nghị định này;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh lý do chấm dứt đăng ký (nếu có).

4. Quy trình thực hiện đăng ký, sửa đổi, bổ sung đăng ký, chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến thực hiện theo quy định tại Mục II của Phụ lục I của Nghị định này.

5. Bộ Công Thương thực hiện xác nhận đăng ký, xác nhận sửa đổi, bổ sung đăng ký, xác nhận chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến.

Điều 34. Điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam

1. Điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài không có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài không có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam:

a) Có Đề án hoạt động thương mại điện tử theo quy định tại Điều 30 của Nghị định này;

b) Đại diện theo ủy quyền tại Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Luật Thương mại điện tử là cá nhân cư trú tại Việt Nam hoặc pháp nhân được thành lập theo pháp luật của Việt Nam.

2. Điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Luật Thương mại điện tử:

a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị định này;

b) Thực hiện ký quỹ không thấp hơn 20 tỷ đồng Việt Nam tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; tiền ký quỹ phải được duy trì trong suốt thời gian nền tảng hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam;

c) Người chịu trách nhiệm về hoạt động thương mại điện tử của pháp nhân được chỉ định tại Việt Nam theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Luật Thương mại điện tử là cá nhân cư trú tại Việt Nam.

Điều 35. Hồ sơ đăng ký, sửa đổi, bổ sung đăng ký, chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam

1. Hồ sơ đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam:

a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II của Nghị định này;

b) Các nội dung hồ sơ theo quy định tại điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 27 của Nghị định này;

c) Văn bản ủy quyền cho một cá nhân hoặc một pháp nhân tại Việt Nam làm đại diện cho chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài không có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài không có chức năng đặt hàng trực tuyến; hoặc văn bản ủy quyền cho một pháp nhân tại Việt Nam làm đại diện cho chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ phạm vi ủy quyền và bảo đảm cho bên được ủy quyền thực hiện đầy đủ trách nhiệm của bên ủy quyền;

d) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về ký quỹ tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

2. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam:

a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II của Nghị định này;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Hồ sơ chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam:

a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II của Nghị định này;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh lý do chấm dứt (nếu có).

4. Quy trình đăng ký, sửa đổi, bổ sung đăng ký, chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Mục II của Phụ lục I của Nghị định này.

5. Bộ Công Thương thực hiện xác nhận đăng ký, xác nhận sửa đổi, bổ sung đăng ký, chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam.

Mục 2

KÝ QUỸ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM CỦA NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ NƯỚC NGOÀI

Điều 36. Tiền ký quỹ

1. Tiền ký quỹ là một khoản tiền tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ của chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Luật Thương mại điện tử.

2. Ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương xác nhận bằng văn bản các nội dung liên quan đến văn bản xác nhận ký quỹ khi có yêu cầu.

3. Trường hợp có thay đổi thông tin trên văn bản xác nhận ký quỹ, chủ quản nền tảng có trách nhiệm điều chỉnh văn bản xác nhận ký quỹ với ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi.

4. Khoản tiền ký quỹ được phong tỏa trong suốt thời gian hoạt động của nền tảng và chỉ được rút, sử dụng khi có văn bản chấp thuận rút tiền ký quỹ của Bộ Công Thương. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

a) Bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng tại Việt Nam theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc cơ quan trọng tài;

b) Chấp hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại điện tử;

c) Thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước Việt Nam.

5. Ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi chủ quản nền tảng thực hiện ký quỹ chịu trách nhiệm quản lý khoản tiền ký quỹ theo quy định của pháp luật.

6. Chủ quản nền tảng thực hiện ký quỹ được hưởng lãi suất trên khoản tiền ký quỹ theo thỏa thuận với ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và được phép rút tiền lãi từ khoản tiền ký quỹ.

Điều 37. Rút tiền ký quỹ

Chủ quản nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Luật Thương mại điện tử được rút tiền ký quỹ khi có xác nhận của Bộ Công Thương về một trong các trường hợp sau đây:

1. Chủ quản nền tảng đã thực hiện ký quỹ một khoản tiền ít nhất 20 tỷ đồng tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam khác;

2. Chủ quản nền tảng bị từ chối hồ sơ đăng ký nền tảng thương mại điện tử;

3. Chủ quản nền tảng đã chấm dứt đăng ký và đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 36 của Nghị định này.

Điều 38. Hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ

1. Hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ bao gồm:

a) Giấy đề nghị rút tiền ký quỹ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II của Nghị định này;

b) Văn bản xác nhận ký quỹ tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi chủ quản nền tảng thực hiện ký quỹ;

c) Tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước (nếu có).

2. Quy trình thực hiện thủ tục rút tiền ký quỹ theo quy định tại Mục IV Phụ lục I của Nghị định này.

3. Ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi mở tài khoản ký quỹ chỉ thực hiện việc giải tỏa phong tỏa tài khoản ký quỹ sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương.

Điều 39. Xử lý khoản tiền đã ký quỹ

1. Việc trích tiền từ tài khoản ký quỹ được thực hiện khi chủ quản nền tảng chấm dứt đăng ký nhưng chưa hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định này hoặc đang vận hành nền tảng nhưng không tự nguyện thi hành bản án hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi đã hết thời hạn tự nguyện thi hành.

2. Quy trình thực hiện thủ tục trích tiền ký quỹ theo quy định tại Mục V Phụ lục I của Nghị định này.

3. Nghĩa vụ nộp bổ sung tiền ký quỹ:

a) Trường hợp khoản tiền ký quỹ bị trích để nộp ngân sách nhà nước, dẫn đến số dư tài khoản thấp hơn mức tối thiểu 20 tỷ đồng Việt Nam, chủ quản nền tảng có trách nhiệm nộp bổ sung trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiền bị trích;

b) Quá thời hạn quy định tại điểm a khoản này mà chủ quản nền tảng không nộp bổ sung đủ tiền ký quỹ, Bộ Công Thương thực hiện quy trình chấm dứt đăng ký hoạt động thương mại điện tử của nền tảng đó.

Mục 3

ĐIỀU KIỆN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀO LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 40. Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực thương mại điện tử

1. Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài vào hoạt động quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp bao gồm:

a) Hình thức đầu tư gồm thành lập tổ chức kinh tế hoặc đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư;

b) Nhà đầu tư nước ngoài chỉ phối tổ chức là chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng

thương mại điện tử tích hợp là nền tảng số lớn theo pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng phải có ý kiến thẩm định của Bộ Công an về an ninh quốc gia.

2. Nhà đầu tư nước ngoài chi phối tổ chức là chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này là khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ quyền sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết của tổ chức;

b) Nhà đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, giám đốc hoặc tổng giám đốc của tổ chức;

c) Nhà đầu tư có quyền quyết định các vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh của tổ chức bao gồm việc lựa chọn nền tảng công nghệ, hình thức tổ chức kinh doanh; lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; lựa chọn điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh; lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn kinh doanh của tổ chức đó.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền lấy ý kiến thẩm định của Bộ Công an bằng văn bản về an ninh quốc gia trong quá trình xem xét việc đề nghị cấp, điều chỉnh Giấy phép kinh doanh của chủ quản nền tảng thương mại điện tử quy định tại điểm b khoản 1 Điều này theo quy định của Chính phủ về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Chương VI **DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ** **TRONG THƯƠNG MẠI**

Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

1. Bảo đảm tính bảo mật, tính toàn vẹn và khả năng xác thực của hợp đồng điện tử được lưu trữ và chứng thực thông qua hệ thống cung cấp dịch vụ của mình.

2. Cử đầu mối liên hệ trực tuyến, cung cấp tài liệu và hỗ trợ cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.

3. Công khai quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại tại vị trí dễ thấy, bằng ngôn ngữ tiếng Việt trên hệ thống cung cấp dịch vụ của mình.

4. Lưu trữ đầy đủ, an toàn dữ liệu về hợp đồng điện tử đã được chứng thực; bảo đảm khả năng truy cập, tra cứu và cung cấp khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán, tối thiểu là 10 năm kể từ thời điểm hợp đồng điện tử được chứng thực, trừ trường hợp pháp luật có quy định thời hạn dài hơn.

Điều 42. Điều kiện kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

1. Tổ chức được cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại khi đáp ứng điều kiện sau:

a) Có Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy có loại dịch vụ được phép kinh doanh là cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu theo pháp luật về giao dịch điện tử;

b) Có Đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo quy định tại Điều 44 của Nghị định này.

2. Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại có thời hạn 10 năm.

Điều 43. Hồ sơ cấp phép, sửa đổi, bổ sung giấy phép, thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

1. Hồ sơ cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại:

a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II của Nghị định này;

b) Bản chụp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc các văn bản tương tự khác chứng minh đáp ứng các điều kiện kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại (nếu có);

Trường hợp các giấy tờ, tài liệu nêu trên đã có dữ liệu điện tử bảo đảm giá trị pháp lý và có thể khai thác thông qua kết nối, chia sẻ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin dùng chung, Công dịch vụ công quốc gia thì không phải cung cấp lại;

c) Đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương

mại theo nội dung quy định tại Điều 44 của Nghị định này. Mẫu Đề án theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II của Nghị định này.

2. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại bao gồm:

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi một trong những thông tin sau đây: người chịu trách nhiệm quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ; thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức); nội dung công khai về quy chế chứng thực; nội dung đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.

Hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy phép bao gồm:

- a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II của Nghị định này;
- b) Tài liệu chứng minh lý do sửa đổi, bổ sung giấy phép (đối với trường hợp thay đổi các nội dung đã được cấp phép).

Trường hợp các giấy tờ, tài liệu nêu trên đã có dữ liệu điện tử bảo đảm giá trị pháp lý và có thể khai thác thông qua kết nối, chia sẻ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin dùng chung, Cổng dịch vụ công quốc gia thì không phải cung cấp lại.

3. Thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại dừng cung cấp dịch vụ và có hồ sơ đề nghị thu hồi Giấy phép kinh doanh cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại từ tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực trong thương mại theo quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại có thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà phải chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Hồ sơ đề nghị thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại bao gồm:

- a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II của Nghị định này;
- b) Tài liệu (nếu có).

5. Quy trình cấp phép, sửa đổi, bổ sung giấy phép, thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo quy định tại Mục III của Phụ lục I của Nghị định này.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp phép, sửa đổi, bổ sung giấy phép, thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.

Điều 44. Nội dung Đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

1. Thông tin chung về tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại, bao gồm: tên, loại hình doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, phương thức liên hệ, phạm vi cung cấp dịch vụ, Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy hoặc tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Mô tả phương án lưu trữ, bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu của hợp đồng điện tử và khả năng tra cứu hợp đồng điện tử đã được chứng thực.

3. Mô tả quy trình tiếp nhận, xử lý yêu cầu, phản ánh, khiếu nại của tổ chức, cá nhân; quy trình xử lý sự cố kỹ thuật, vi phạm an toàn thông tin và cơ chế phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Quy chế chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại và chính sách cung cấp dịch vụ được công khai trên hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ theo quy định.

Chương VII
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG QUẢN LÝ
HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Mục 1
HỆ THỐNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 45. Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử

1. Bộ Công Thương là đơn vị xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử tại địa chỉ <http://online.gov.vn>, kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử có các chức năng theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Thương mại điện tử, trong đó một số chức năng được thực hiện cụ thể như sau:

a) Kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia để đồng bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử. Kết quả thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử là biểu tượng xác nhận điện tử tương ứng đã thông báo, đã đăng ký, đã cấp phép gắn trên nền tảng số đó. Khi chọn biểu tượng này, người sử dụng được dẫn về thông tin công bố tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử;

b) Tiếp nhận thông tin và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của tổ chức, cá nhân về các nền tảng thương mại điện tử, người bán, tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử vi phạm pháp luật, bao gồm: thông tin về tổ chức, cá nhân gửi phản ánh, yêu cầu, khiếu nại (tên, số định danh tổ chức/cá nhân, địa chỉ trụ sở của tổ chức, nơi cư trú của cá nhân); tên nền tảng thương mại điện tử bị phản ánh; tên người bán; tên tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử bị phản ánh; lý do phản ánh; bản chụp tài liệu chứng minh hành vi vi phạm. Phản ánh, yêu cầu, khiếu nại sẽ được ghi nhận tại hệ thống và cho phép người gửi theo dõi kết quả xử lý;

c) Giám sát hoạt động thương mại điện tử dựa trên cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử và phản ánh, yêu cầu, khiếu nại hợp lệ để có cảnh báo công khai rủi ro về các nền tảng thương mại điện tử hoặc thông tin hàng hóa, dịch vụ có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

d) Giám sát hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại dựa trên dữ liệu về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại do tổ chức cung cấp;

đ) Tiếp nhận, xử lý các báo cáo trực tuyến về thương mại điện tử theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này;

e) Công bố danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo, đăng ký, danh sách tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại đã được cấp phép, bao gồm: tên nền tảng thương mại điện tử theo thông báo hoặc đăng ký; tên và thông tin liên hệ của chủ quản nền tảng, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, số Quyết định thành lập đối với tổ chức, mã số thuế của cá nhân hoặc mã số thuế của hộ kinh doanh.

Mục 2

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 46. Phạm vi dữ liệu của cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử

Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử bao gồm các thông tin sau đây:

1. Dữ liệu về quản lý hoạt động thương mại điện tử bao gồm:

- a) Thông tin về nền tảng thương mại điện tử đã thực hiện thủ tục thông báo, đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử;
- b) Thông tin về nền tảng thương mại điện tử bị phản ánh, vi phạm pháp luật;
- c) Kết quả của hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong thương mại điện tử;
- d) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thương mại điện tử;
- đ) Dữ liệu về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại;
- e) Thông tin khiếu nại, phản ánh của người tiêu dùng, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử;
- g) Thông tin yêu cầu gỡ bỏ, rà soát hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- h) Thông tin về hàng cấm, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa nhập lậu, hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc hàng hóa vi phạm quy định của pháp luật khác trong lĩnh vực thương mại điện tử;
- i) Các thông tin liên thông với các cơ sở dữ liệu khác.

2. Dữ liệu về báo cáo trực tuyến quy định tại Điều 22 của Nghị định này.

3. Dữ liệu về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua thương mại điện tử bao gồm:

- a) Dữ liệu về tờ khai hải quan điện tử, thông tin khai báo hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua thương mại điện tử;
- b) Dữ liệu về trị giá, số lượng, quốc gia xuất khẩu, quốc gia nhập khẩu qua thương mại điện tử;
- c) Dữ liệu khác có liên quan.

4. Dữ liệu về thuế trong thương mại điện tử bao gồm:

- a) Danh sách nền tảng thương mại điện tử nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam đăng ký thuế, kê khai thuế;
- b) Doanh thu, thu nhập tính thuế của chủ quản nền tảng thương mại điện tử;
- c) Số lượng người bán và tổng số thuế của người bán trên nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán;
- d) Dữ liệu khác có liên quan.

5. Dữ liệu về vận chuyển, giao nhận trong thương mại điện tử bao gồm:

- a) Số lượng đơn hàng vận chuyển, giao nhận theo địa phương;
- b) Thông tin vận chuyển, giao nhận hàng hóa thương mại điện tử xuyên biên giới vào Việt Nam: tên tổ chức, cá nhân xuất khẩu; số lượng đơn hàng của từng tổ chức, cá nhân xuất khẩu; số lượng hàng hóa nhập khẩu theo mã số HS;
- c) Dữ liệu khác có liên quan.

Điều 47. Nguồn thông tin xây dựng, cập nhật trong cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử

1. Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử được tạo lập, thu thập, cập nhật và đồng bộ từ các nguồn sau đây:

- a) Dữ liệu từ cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử;
- b) Dữ liệu được chia sẻ, đồng bộ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do bộ, ngành, địa phương có liên quan đến hoạt động thương mại điện tử;
- c) Dữ liệu được chia sẻ, cập nhật từ các nền tảng thương mại điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại, tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thương mại điện tử;
- d) Dữ liệu từ kết quả của quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực thương mại điện tử;
- đ) Dữ liệu từ các báo cáo thống kê trong lĩnh vực thương mại điện tử và các lĩnh vực liên quan đã được số hóa, cung cấp, tích hợp bởi tổ chức, cá nhân.

2. Các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan đến phạm vi dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh các thông tin tại Điều 46 Nghị định này, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, thống nhất, chất lượng của dữ liệu được cập nhật, chia sẻ.

3. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, thống nhất, chất lượng dữ liệu, tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, pháp luật về thương mại điện tử và pháp luật khác có liên quan.

Điều 48. Sử dụng, khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử

1. Chủ thể sử dụng, khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu về thương mại

điện tử bao gồm:

a) Bộ Công Thương sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước về thương mại điện tử;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử phục vụ công tác quản lý nhà nước theo thẩm quyền;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được khai thác, sử dụng dữ liệu mở từ cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

2. Phương thức khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử bao gồm:

a) Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác;

b) Thông qua Cổng dữ liệu quốc gia, Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công Thương;

c) Nền tảng định danh và xác thực điện tử;

d) Ứng dụng định danh quốc gia;

đ) Thiết bị, phương tiện, phần mềm do đơn vị quản lý, duy trì dữ liệu cung cấp;

e) Phương thức khác khi được Bộ Công Thương chấp thuận.

Chương VIII **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

Điều 49. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Tham mưu, giúp Chính phủ quản lý nhà nước về thương mại điện tử và tổ chức triển khai Nghị định này.

2. Tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính đăng ký cho nền tảng thương mại điện tử; thủ tục hành chính liên quan đến rút tiền ký quỹ.

3. Xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử và cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử.

4. Tổ chức xây dựng, vận hành, bảo trì, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công

nghe thông tin và phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử tại trung ương, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong phạm vi cả nước.

5. Cung cấp thông tin về thương mại điện tử cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

6. Hướng dẫn kỹ thuật, theo dõi, kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

7. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan lựa chọn chủ đề phát động, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể; hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Ngày Thương mại điện tử quốc gia hằng năm, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.

Điều 50. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức khác có liên quan

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện các trách nhiệm sau đây:

a) Phối hợp với Bộ Công Thương trong quản lý hoạt động thương mại điện tử;

b) Căn cứ kế hoạch, hướng dẫn của Bộ Công Thương và điều kiện thực tế của từng bộ, ngành để tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông phù hợp Ngày Thương mại điện tử quốc gia hằng năm;

c) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong thương mại điện tử theo thẩm quyền;

d) Kết nối, chia sẻ, đồng bộ thông tin liên quan đến thương mại điện tử với cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử theo thẩm quyền.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm kết nối, chia sẻ, đồng bộ thông tin quy định tại khoản 3 và 4 Điều 46 của Nghị định này; sau khi hoàn thiện hệ thống khai báo hải quan liên quan đến cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử, thông báo cho Bộ Công Thương về danh sách nền tảng thương mại điện tử nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam khi đạt ngưỡng 100.000 lượt giao dịch với người mua tại Việt Nam theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 và điểm b khoản 1 Điều 32 của Nghị định này.

3. Trên cơ sở văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bộ Công an có trách nhiệm có văn bản thẩm định về an ninh quốc gia, gửi lại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Nghị định này.

4. Các cơ quan truyền thông, báo chí xây dựng kế hoạch tuyên truyền về thương mại điện tử và Ngày Thương mại điện tử quốc gia.

Điều 51. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến và cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.

2. Thực hiện quản lý nhà nước về thương mại điện tử trên địa bàn theo thẩm quyền.

3. Căn cứ kế hoạch, hướng dẫn của Bộ Công Thương và điều kiện thực tế của từng địa phương, tổ chức thực hiện các hoạt động phù hợp truyền thông Ngày Thương mại điện tử quốc gia hằng năm tại địa phương.

Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 52. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm thực hiện việc xác thực điện tử danh tính người bán và người livestream bán hàng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

3. Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử và Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, trừ trường hợp quy định tại Điều 53 của Nghị định này.

4. Sửa đổi cụm từ “cung cấp dịch vụ thương mại điện tử” thành “quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp” tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 53. Quy định chuyển tiếp

Nền tảng thương mại điện tử (website, ứng dụng) đã được xác nhận thông báo hoặc đăng ký hoạt động trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 được tiếp tục hoạt động theo nội dung đã xác nhận đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027. Trong thời gian này, chủ quản nền tảng thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung hồ sơ đã xác nhận theo quy định tại Nghị định này.

Điều 54. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP; BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 12

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



***Phạm Gia Túc**